ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ, XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN

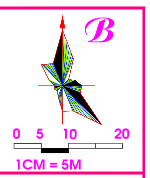

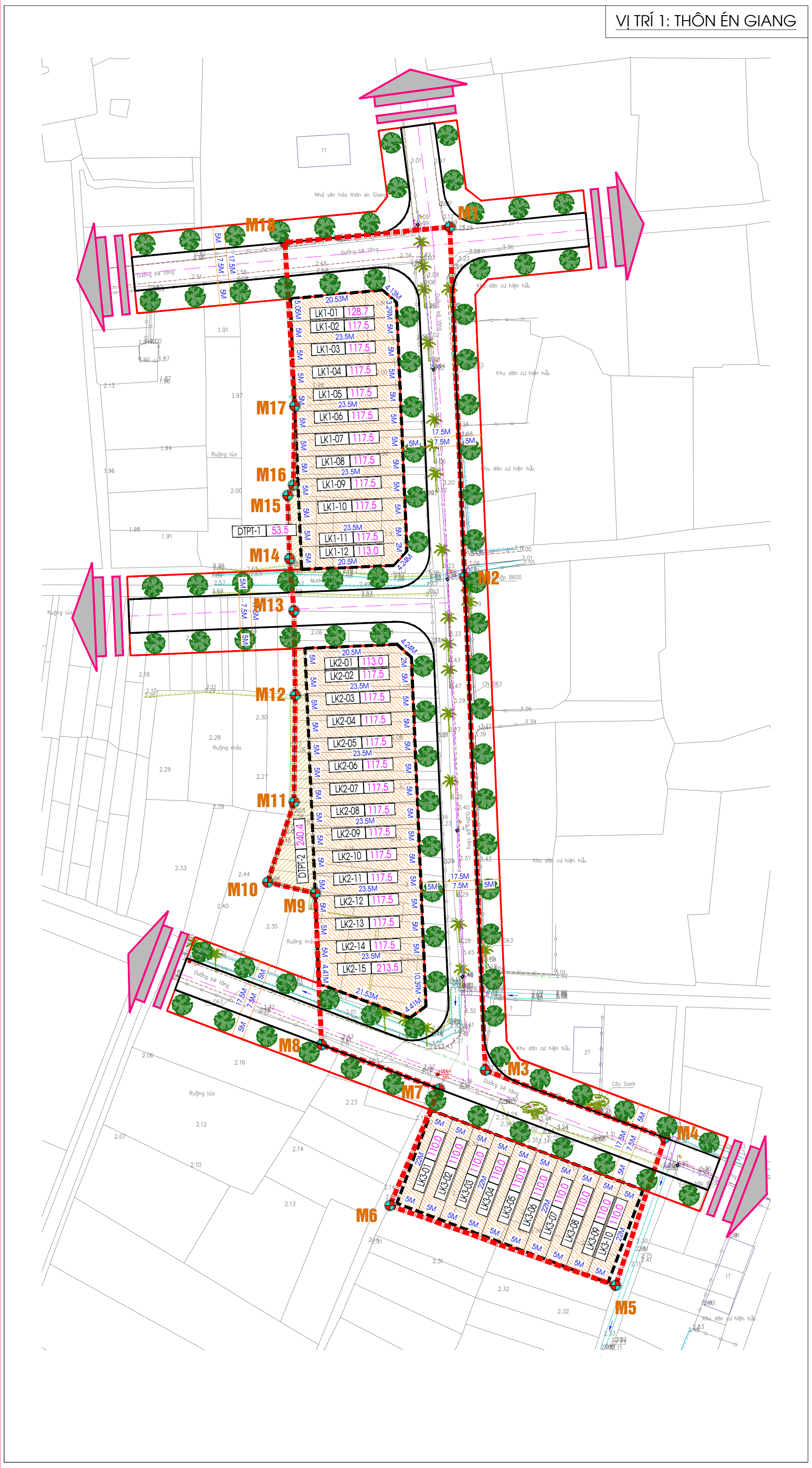

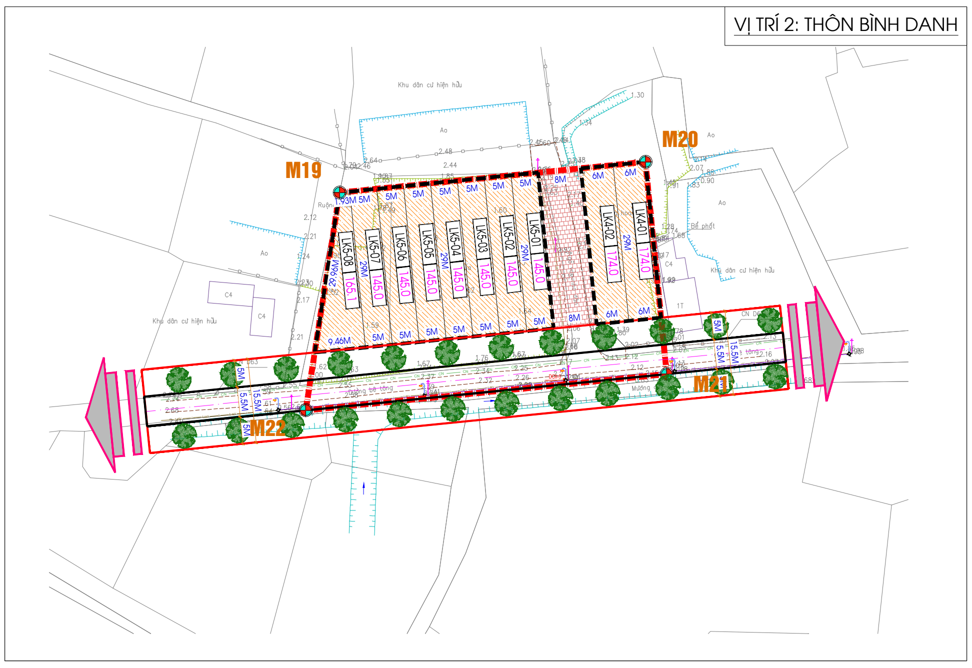

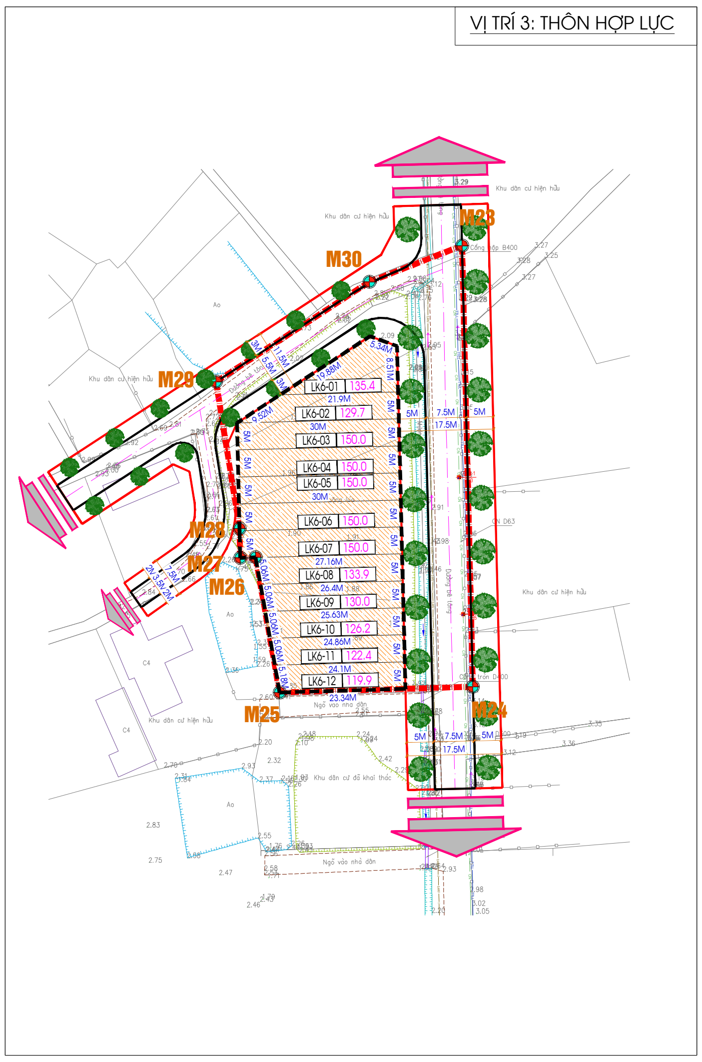

TẠO ĐỘ MỐC GIỚI QUY HOẠCH

(THEO MỐC TỌA ĐỘ VN-2000)

STT	X(m)	Y(m)
M1	2179336.8426	579354.0551
M2	2179259.2449	579357.3111
M3	2179149.9074	579361.8990
M4	2179134.9192	579401.7450
M5	2179102.1800	579390.7900
M6	2179119.9000	579340.7800
M7	2179145.7269	579351.7101
M8	2179155.5365	579325.6311
M9	2179189.1595	579324.2203
M10	2179191.5800	579313.6800
M11	2179209.3669	579319.5397
M12	2179232.9700	579319.8200
M13	2179251.7100	579319.5100
M14	2179263.3000	579318.5400
M15	2179277.3000	579318.1400
M16	2179279.5900	579319.4000
M17	2179297.1100	579319.6700
M18	2179333.3754	579317.5119
M19	2178963.0599	579527.5962
M20	2178968.7444	579584.2372
M21	2178929.4418	579588.1818
M22	2178922.7319	579521.3232
M23	2178410.2831	578228.0762
M24	2178328.5647	578230.0774
M25	2178327.5078	578194.2782
M26	2178352.5234	578189.8165
M27	2178352.4539	578186.9796
M28	2178357.8579	578186.8473
M29	2178385.0602	578182.4831
M30	2178403.5747	578210.9107
M31	2177967.8301	579776.3298
M32	2177968.5579	579806.9240
M33	2177942.4188	579806.1487
M34	2177941.9394	579776.9454

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	KÍ HIỆU	KÍCH THƯỚC (M)	DIỆN TÍCH (M2)	SỐ LÔ	TỔNG (M2)	TẦNG CAO (TẦNG)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDĐ	TỶ LỆ (%)	DÂN SỐ (NGƯỜI)
	A. VỊ TRÍ 1: THÔN ÉN GIANG									
I	**ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ (LK)**			**37,00**	**4.370,70**	**2-:-5**	**69-:-88**	**4,00**	**49,65**	**146,00**
1	**ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ LK1**			**12,00**	**1.416,70**	**2-:-5**	**85-:-88**	**4,00**	**16,09**	**47,00**
1.1	LK1-01		128,70	1,00	128,70	2-:-5	85	4,00		
1.2	LK1-02-:-LK1-11	(5,0x23,5)	117,50	10,00	1.175,00	2-:-5	87	4,00		
1.3	LK1-12		113,00	1,00	113,00	2-:-5	88	4,00		
2	**ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ LK2**			**15,00**	**1.854,00**	**2-:-5**	**69-:-88**	**4,00**	**21,06**	**62,00**
2.1	LK2-01		113,00	1,00	113,00	2-:-5	88	4,00		
2.2	LK2-02-:-LK2-14	(5,0x23,5)	117,50	13,00	1.527,50	2-:-5	87	4,00		
2.3	LK2-15		213,50	1,00	213,50	2-:-5	69	4,00		
3	**ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ LK3**			**10,00**	**1.100,00**	**2-:-5**	**88**	**4,00**	**12,50**	**37,00**
3.1	LK3-01-:-LK3-10	(5,0x222,0)	110,00	10,00	1.100,00	2-:-5	88	4,00		
II	**ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN (DTPT)**				**293,90**				**3,34**	
1.1	DTPT-1		53,50	1,00	53,50					
1.2	DTPT-2		240,40	1,00	240,40					
III	**ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC (GT-HTKT)**				**4.138,83**				**47,01**	
	TỔNG (I+II+III)			**37,00**	**8.803,43**				**100,00**	**146,00**
	B. VỊ TRÍ 2: THÔN BÌNH DANH									
I	**ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ (LK)**			**10,00**	**1.528,10**	**2-:-5**	**75-:-81**	**4,00**	**62,34**	**51,00**
1	**ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ LK4**			**2,00**	**348,00**	**2-:-5**	**75**	**4,00**	**14,20**	**12,00**
1.1	LK4-01-:-LK4-02	(6,0x29,0)	174,00	2,00	348,00	2-:-5	75	4,00		
2	**ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ LK5**			**8,00**	**1.180,10**	**2-:-5**	**77-:-81**	**4,00**	**48,14**	**39,00**
2.1	LK5-01-:-LK5-07	(5,0x29,0)	145,00	7,00	1.015,00	2-:-5	81	4,00		
2.2	LK5-08		165,10	1,00	165,10	2-:-5	77	4,00		
II	**ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC (GT-HTKT)**				**923,27**				**37,66**	
	TỔNG (I+II)			**10,00**	**2.451,37**				**100,00**	**51,00**
	C. VỊ TRÍ 3: THÔN HỢP LỰC									
I	**ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ (LK)**			**12,00**	**1.647,50**	**2-:-5**	**80-:-86**	**4,00**	**54,82**	**55,00**
1	**ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ LK6**			**12,00**	**1.647,50**	**2-:-5**	**80-:-86**	**4,00**	**54,82**	**55,00**
1.1	LK6-01		135,40	1,00	135,40	2-:-5	83	4,00		
1.2	LK6-02		129,70	1,00	129,70	2-:-5	84	4,00		
1.3	LK6-03-:-LK6-07	(5,0x30,0)	150,00	5,00	750,00	2-:-5	80	4,00		
1.4	LK6-08		133,90	1,00	133,90	2-:-5	83	4,00		
1.5	LK6-09		130,00	1,00	130,00	2-:-5	84	4,00		
1.6	LK6-10		126,20	1,00	126,20	2-:-5	85	4,00		
1.7	LK6-11		122,40	1,00	122,40	2-:-5	86	4,00		
1.8	LK6-12		119,90	1,00	119,90	2-:-5	86	4,00		
II	**ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC (GT-HTKT)**				**1.357,86**				**45,18**	
	TỔNG (I+II)			**12,00**	**3.005,36**				**100,00**	**55,00**
	D. VỊ TRÍ 4: THÔN LINH HƯNG									
I	**ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ (LK)**			**4,00**	**503,40**	**2-:-5**	**82-:-87**	**4,00**	**64,72**	**17,00**
1	**ĐẤT Ở KIỂU CHIA LÔ LK7**			**4,00**	**503,40**	**2-:-5**	**82-:-87**	**4,00**	**64,72**	**17,00**
1.1	LK7-01		130,10	1,00	130,10	2-:-5	84	4,00		
1.2	LK7-02		117,40	1,00	117,40	2-:-5	87	4,00		
1.3	LK7-03		115,50	1,00	115,50	2-:-5	87	4,00		
1.4	LK7-04		140,40	1,00	140,40	2-:-5	82	4,00		
II	**ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC (GT-HTKT)**				**274,36**				**35,28**	
	TỔNG (I+II)			**4,00**	**777,76**				**100,00**	**17,00**
	TỔNG (A+B+C+D)			**63,00**	**15.037,92**					**269,00**

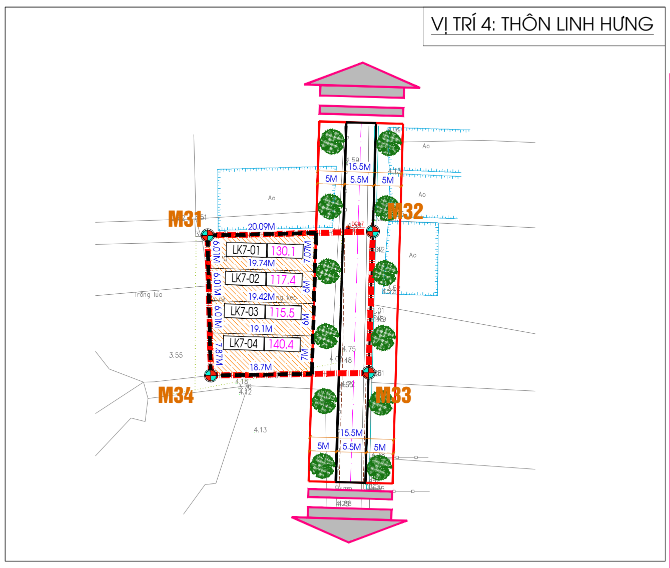

CHÚ THÍCH

- NHÀ Ở CHIA LÔ LIỀN KẾ
- ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
- TÊN LÔ ĐẤT — LK1-01 | 323.8 — DIỆN TÍCH LÔ

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: ..../QĐ-UBND NGÀY ...... THÁNG ..... NĂM 2024

ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KÈM THEO VĂN BẢN SỐ: .... NGÀY ...... THÁNG ..... NĂM 2024

CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG HỢP
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ .... NGÀY..... THÁNG ..... NĂM 2024

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ XEN CƯ, XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG.

TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN

BẢN VẼ: QH - 04	GHÉP: 1A0	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY:...../....../2024
THIẾT KẾ CHỦ TRÌ	KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN		
QL KỸ THUẬT	KS. LỮ TRỌNG THÌN		

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN ĐĂNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH TST
ĐỊA CHỈ: KHỐI 2, TT RỪNG THÔNG- ĐÔNG SƠN - THANH HÓA
TEL: (037.3).507.296 - FAX:......................